

— Đơn vị chủ nợ phải đóng dấu hoặc viết tay bằng mực đỏ dòng chữ *thanh toán công nợ dây dưa* lên phía trên góc phải giấy nhờ thu ;

— Thời hạn trả tiền các giấy nhờ thu là 30 ngày kể từ ngày ngân hàng B chuyển giao giấy nhờ thu cho đơn vị khách nợ (do ngân hàng B ghi rõ trên các giấy nhờ thu) ; hết hạn mà đơn vị không trả tiền thì ngân hàng trích tài khoản tiền gửi để trả, nếu chậm trả thì áp dụng phạt chậm trả theo tỷ lệ 0,025% (hai phần rưỡi vạn) một ngày trên số tiền chậm trả ;

— Ngân hàng Nhà nước mở 2 tài khoản trong tài khoản ngoại bảng 9929 : 9929.01 để hạch toán theo dõi giấy nhờ thu thông thường quá hạn và 9929.02 để hạch toán theo dõi giấy nhờ thu về công nợ dây dưa quá hạn (sau khi hết thời hạn trả tiền 30 ngày) ;

— Việc tra soát và đôn đốc các giấy nhờ thu đối với các ngân hàng B và các khách nợ do các đơn vị chủ nợ tiến hành theo mẫu của Ngân hàng Nhà nước quy định và do ngân hàng A ký tên đóng dấu chuyển đi ;

— Ngân hàng không cho vay về giấy tờ thanh toán trên đường đi đối với các giấy nhờ thu đòi công nợ dây dưa.

Nhận được chỉ thị này các ông trưởng chi nhánh, trưởng chi điểm ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tổ chức phổ biến cho các đơn vị kinh tế và trong nội bộ Ngân hàng Nhà nước thực hiện.

Hà-nội, ngày 28 tháng 10 năm 1974

K. T. Tổng giám đốc

Ngân hàng Nhà nước Việt-nam

Phó tổng giám đốc

VŨ DUY HIỆU

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 80-MTB/VGNN ngày 22-10-1974 hạ mức thu tiền công làm đất bằng máy cho hợp tác xã nông nghiệp.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào nghị định của Hội đồng Chính phủ số 106-CP ngày 25-6-1965 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Vật giá Nhà nước ;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ số 201-CP ngày 9-9-1974 về phương hướng nhiệm vụ giá cả trong 2 năm 1974 — 1975,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay quy định mức thu tiền công làm đất bằng máy cho hợp tác xã nông nghiệp là 21đ (hai mươi một đồng) một héc-ta tiêu chuẩn.

Điều 2. — Héc-ta tiêu chuẩn là đơn vị tính công cày vờ bằng máy trên đất thịt nặng trung bình (có lực cày riêng từ 0.5 — 0.7 kg/cm²) với độ sâu từ 16 đến 18 cm trên diện tích thửa ruộng đảm bảo cho hoạt động của máy kéo có liên hiệp máy đi theo (thửa ruộng chiều dài tối thiểu 200 m, chiều rộng tối thiểu 50 m).

Mức thu tiền công đối với từng loại công việc cụ thể : cày, bừa, phay..., được tính theo hệ số quy đổi và quy trình làm đất do Ủy ban Nông nghiệp trung ương hướng dẫn.

Điều 3. — Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố căn cứ vào mức tiền công quy định trong điều 1 mà quy định mức tiền công cụ thể cho từng vùng trong tỉnh, thành phố, tùy theo mức chi phí ở từng vùng có thể tăng hoặc giảm 10%.

Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố phải công bố mức tiền công cho từng loại công việc cụ thể, để các hợp tác xã nông nghiệp có thể lựa chọn, hoặc thuê làm đất hoàn chỉnh cho đến lúc gieo cấy được, hoặc chỉ thuê làm một số công việc nhất định. Đồng thời báo cáo Ủy ban Vật giá Nhà nước để góp ý kiến nếu cần.

Điều 4. — Trong trường hợp vì thi hành mức tiền công quy định, các trạm máy kéo bị lỗ thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố thăm tra kỹ lưỡng và báo cáo Bộ Tài chính xét, giải quyết. Đồng thời chỉ đạo các trạm máy kéo tăng cường quản lý, phấn đấu giảm giá thành, đến giảm lỗ và tiến đến kinh doanh không lỗ.

Điều 5. — Quyết định này thi hành từ vụ đông xuân năm 1974 — 1975. Các quy định trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 22 tháng 10 năm 1974

Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

TÔ DUY